

Số: 27/TTr-UBND

Hương Sơn, ngày 24 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn**

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số Bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 15 Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản số 9849/BKHĐT-TH ngày 32/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số Bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách.

UBND huyện Hương Sơn kính đề nghị HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ngành liên quan thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn.
2. Dự án nhóm: C
3. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT - Công trình đê

điều; Cấp công trình: Cấp IV

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh

5. Tên chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

7. Mục tiêu đầu tư:

Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B (HL01) phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

8. Quy mô và các thông số kỹ thuật cơ bản dự kiến:

8.1. *Quy mô*: Tổng chiều dài tuyến đê củng cố, nâng cấp 3,0km; nâng cấp 3 công tiêu cũ dưới đê đã hư hỏng xuống cấp, xây dựng mới 1 công tiêu dưới đê; tiếp nối tuyến đê với các công trình hiện trạng.

8.2. *Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình*:

- Tuyến đê:

+ Chiều dài tuyến 3,0km, từ Thôn Đình đến huyện lộ 8B (HL01) thuộc thôn Đoài, xã Sơn Châu; cao trình mặt đê khoảng (+9,20)m; đắp áp trúc hoàn thiện thân đê bằng đất đồng chất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$.

+ Mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B=5,0m$ (một số đoạn mở rộng cho phù hợp với điều kiện thực tế), kết cấu mặt đê bằng bê tông M300, phía dưới lót cát vàng, tiếp đến lớp cấp phối đá dăm và dưới cùng là lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$. Phía đồng có khóa mái và gờ chắn bánh bằng bê tông M250.

+ Mái đê phía sông $m = 2,0 \div 3,0$; các đoạn xung yếu (dài khoảng 2,5km) mái đê được gia cố bằng đá lát khan dày 30cm trong khung BTCT M250 đá dăm (1×2)cm loại 1, phía dưới lót đá dăm (2×4)cm dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân đê phía sông: Cao độ theo địa hình hiện trạng; khóa mái chân đê bằng đầm BTCT M250 kích thước (0,3×0,5)m; hộ chân đê bằng đá hộc ghép khan dày 0,5m, rộng 1,5m, phía dưới là lớp đá dăm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Mái đê phía dân cư có hệ số mái khoảng $m=2,5$, được trồng cỏ bảo vệ.

- Công trình trên tuyến:

Khôi phục 03 công cũ; xây dựng 01 công mới bằng BTCT M250, cửa van điều tiết bằng COMPOZIT; trên tuyến những khu vực qua khu dân cư cứ 200m bố trí 1 bên dân sinh bằng bê tông M250; một số vị trí giao nhau với đường giao thông được xử lý bằng vuốt dốc và cứng hóa mặt dốc bằng bê tông M300, dày 20cm.

9. Tổng mức đầu tư (dự kiến):

45.997.860.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB 5.000.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng: 28.605.312.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 752.315.000 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 3.431.962.000 đồng.
- Chi phí khác: 4.026.837.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 4.181.624.000 đồng.

10. Cơ cấu nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng.

11. Nguồn vốn đề nghị thẩm định

Đề nghị thẩm định nguồn vốn ngân sách tỉnh xin hỗ trợ 16.000 triệu đồng. Còn lại 29.997,860 triệu đồng gồm: nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ 20.000 triệu đồng từ nguồn dự phòng năm 2019 (đã bố trí tại Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ), ngân sách huyện và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng.

12. Thời gian, tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, kế hoạch bố trí vốn:

12.1. Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 đến năm 2021

12.2. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý I/2020-Quý II/2020: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư.

+ Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

- Quý II/2020-Quý II/2021: Thực hiện đầu tư

+ Lập thiết kế bản vẽ thi công, trình thẩm định, phê duyệt.

+ Khởi công, xây dựng công trình.

- Quý III/2021: Hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

12.3. Kế hoạch bố trí vốn

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

UBND huyện Hương Sơn kính mong Sở Kế Hoạch Đầu; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; cùng các Sở, ngành liên quan xem xét, thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình trên ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT; NN&PTNT; TC;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH; KT-HT;
- Lưu: VT, DA.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Thọ

Hương Sơn, ngày 21 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số Bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 15 Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh: số 16/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 ban hành Quy định một số nội dung về lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 9849/BKHĐT-TH ngày 32/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số Bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách.

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn.

2. Dự án nhóm: C

3. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT - Công trình đê điều; Cấp công trình: Cấp IV

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh.

4. Tên chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

Hương Sơn là huyện biên giới miền núi phía Tây Bắc tỉnh Hà Tĩnh. Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía Nam giáp huyện Vũ Quang, phía Tây giáp Lào và phía Đông giáp huyện Đức Thọ. Địa hình khu vực chủ yếu là đồi núi xen đồng bằng thung lũng sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu và các phụ lưu sông nhỏ, dốc từ Tây - Bắc xuống Đông - Nam. Do nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa và chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp của miền Bắc và miền Nam, hàng năm có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa có nhiều bão lụt, kéo dài từ tháng 8 đến tháng 11, lượng mưa trung bình cao (trên 2.000 mm), chiếm 2/3 lượng mưa cả năm; Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 7 năm sau. Đây là mùa nắng gắt, có hoạt động mạnh của gió Tây nam (thổi từ Lào) khô, nóng, lượng bốc hơi lớn, gây hạn hán nghiêm trọng. Với điều kiện thời tiết, khí hậu rất khắc nghiệt, là “rốn lũ” vào mùa mưa, “chảo lửa” vào mùa hè; thu nhập của người dân lại chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp nên cuộc sống của người dân nơi đây gặp rất nhiều khó khăn.

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, mưa lũ bất thường, đặc biệt sau mùa bão lũ năm 2019, tuyến đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng; uy hiếp an toàn tuyến đê, tính mạng, tài sản của người dân cũng như các công trình hạ tầng vùng sau đê. Vì vậy, việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp công trình nhằm khép kín, hoàn thiện hệ thống đê Tân Long, phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão; bảo vệ an toàn về người và tài sản cho nhân dân; cải thiện môi trường sinh thái cho khu vực cũng như tăng cường khả năng ứng phó hiệu quả đối với các vấn đề thiên tai trong tương lai, tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án là hết sức cần thiết và cấp bách.

Về mặt Quy hoạch: Phù hợp với Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030 cũng như định hướng Quy hoạch phát triển KTXH huyện Hương Sơn cùng Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B (HL01) phục vụ cho công tác

quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

2.2. Mục tiêu cụ thể :

- Khôi phục và đảm bảo an toàn công trình thông qua sửa chữa, nâng cấp tuyến đê đã bị xuống cấp, nâng cấp các công tiêu qua đê cũng như công trình phụ trợ.
- An toàn phòng lũ nhằm bảo vệ khu dân cư và cơ sở hạ tầng vùng dự án.
- Cải thiện môi trường sinh thái khu vực nhằm phát triển bền vững kinh tế, xã hội cho vùng dự án đầu tư xây dựng.
- Nâng cao năng lực quản lý, vận hành và thực thi dự án, quản lý môi trường, xã hội.

2.3. Loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT - Công trình đê điều
- Cấp công trình: Cấp IV
- Mức đảm bảo chống lũ: $P=2\%$ (giai đoạn 2021-2030)
- Hệ số an toàn ổn định chống trượt mái đê cho phép:
 - + Tổ hợp tải trọng cơ bản: $[K] = 1,20$
 - + Tổ hợp tải trọng đặc biệt: $[K] = 1,10$

2.4. Quy mô và các thông số kỹ thuật cơ bản:

2.4.1. *Quy mô*: Tổng chiều dài tuyến đê củng cố, nâng cấp 3,0km; nâng cấp 3 công tiêu cũ dưới đê đã hư hỏng xuống cấp, xây dựng mới 02 công tiêu dưới đê; tiếp nối tuyến đê với các công trình hiện trạng.

2.4.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

- Tuyến đê:
 - + Chiều dài tuyến 3,0km, từ Thôn Đình đến huyện lộ 8B (HL01) thuộc thôn Đoài, xã Sơn Châu; cao trình mặt đê khoảng (+9,20)m; đắp áp trực hoàn thiện thân đê bằng đất đồng chất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$.
 - + Mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B=5,0m$ (một số đoạn mở rộng cho phù hợp với điều kiện thực tế), kết cấu mặt đê bằng bê tông M300, phía dưới lót cát vàng, tiếp đến lớp cấp phối đá dăm và dưới cùng là lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$. Phía đồng có khóa mái và gờ chắn bánh bằng bê tông M250.
 - + Mái đê phía sông $m = 2,0 \div 3,0$; các đoạn xung yếu (dài khoảng 2.500m) mái đê được gia cố bằng đá lát khan dày 30cm trong khung BTCT M250 đá dăm (1×2)cm loại 1, phía dưới lót đá dăm (2×4)cm dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân đê phía sông: Cao độ theo địa hình hiện trạng; khóa mái chân đê bằng đầm BTCT M250 kích thước (0,3×0,5)m; hộ chân đê bằng đá hộp ghép khe dày 0,5m, rộng 1,5m, phía dưới là lớp đá dăm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Mái đê phía dân cư có hệ số mái khoảng $m=2,5$, được trồng cỏ bảo vệ.

- Công trình trên tuyến:

Khôi phục 03 cống cũ; xây dựng 01 cống mới bằng BTCT M250, cửa van điều tiết bằng COMPOZIT; trên tuyến những khu vực qua khu dân cư cứ 200m bố trí 1 bên dân sinh bằng bê tông M250; một số vị trí giao nhau với đường giao thông được xử lý bằng vút dốc và cứng hóa mặt dốc bằng bê tông M300, dày 20cm.

2.5. Địa điểm và phạm vi đầu tư:

Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00 thuộc địa phận xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án

3.1. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 45.997.860.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB 5.000.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng: 28.605.312.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 752.315.000 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 3.431.962.000 đồng.
- Chi phí khác: 4.026.837.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 4.181.624.000 đồng.

(Bảng khái toán tổng mức đầu tư xây dựng công trình kèm theo phần Phụ lục)

3.2. Cơ cấu nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng.

4. Thời gian, tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, kế hoạch bố trí vốn:

4.1. Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 đến năm 2021

4.2. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý I/2020-Quý II/2020: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư.

- + Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.
 - Quý II/2020-Quý II/2021: Thực hiện đầu tư
 - + Lập thiết kế bản vẽ thi công, trình thẩm định, phê duyệt.
 - + Khởi công, xây dựng công trình.
 - Quý III/2021: Hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- 4.3. Kế hoạch bố trí vốn

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

5. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

5.1. Hiện trạng môi trường sinh thái trong vùng dự án

5.1.1. *Chất lượng nước.*

- Chất lượng nước sông: Giá trị PH không biến đổi theo mùa, mức độ hữu cơ tăng nhanh do lượng nước mùa mưa đổ về từ đầu nguồn kéo theo xác động, thực vật làm độ đục trong nước và vi khuẩn tăng. Nhìn chung chất lượng nước sông trong vùng dự án còn khá tốt.

- Chất lượng nước thải, nước thoát khi mưa: Nước thải trong khu vực chủ yếu là nước thải sinh hoạt, độ PH nằm trong giới hạn cho phép, chất rắn lơ lửng và COD có vượt một ít so với tiêu chuẩn. Hiện tại trên địa bàn huyện Hương Sơn chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt, 90% hộ gia đình sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại, nước thải thoát ra hệ thống nước thải sau khi đã được xử lý sơ bộ. Nước thải ở các cơ sở công cộng và các bệnh viện trong nội vùng không được xử lý triệt để. Khi mưa to, trong thành phố sẽ xảy ra ngập úng cục bộ, với chiều cao ngập từ (0,2÷0,8)m, thời gian ngập từ (1÷7) ngày gây nên các dịch bệnh, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân, ngập úng gây nhiễm bẩn nguồn thức ăn, sinh hoạt....

5.1.2. *Chất lượng không khí.*

- Tại khu vực dự án các nguồn gây ô nhiễm không khí gồm:

+ Các nhà máy của nhà nước, tư nhân các xưởng cơ khí....

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Các chất gây ô nhiễm bao gồm bụi đất, cát, tro tàn và các chất khí như: CO; CO₂; SO₂; Cacbonhidrô; NH₄; HCL; hơi kiềm; hơi axit...

- Nồng độ bụi phát sinh lớn tại các tuyến trục giao thông chính như Quốc lộ 8A; tuyến đường Tỉnh 8B và các khu vực đang xây dựng.

- Tiếng ồn: Nói chung tiếng ồn khu vực này tập trung tại các khu vực có nhà máy sản xuất, đường trục giao thông vận chuyển chính các khu vực đang xây dựng cơ sở hạ tầng.

5.2. Kế hoạch bảo vệ môi trường

5.2.1. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng.

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công	x		Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định	x	
			Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm	x	
			Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị: Lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, thay dầu mỡ cho thiết bị	x	
			Che chắn công trình thi công dự án	x	
			Che chắn các phương tiện vận chuyển vật tư, các bãi tập kết vật tư xây dựng	x	
			Bố trí công nhân dọn dẹp vệ sinh cuối ngày làm việc	x	
			Tránh tập trung vận chuyển vật tư cùng một thời điểm	x	
Bụi	x		Cách ly, phun nước để giảm bụi	x	
			Biện pháp khác: - Che chắn khu vực thi công - Rửa sạch xe ra vào công trường - Bố trí mặt bằng xây dựng xây cầu rửa xe cơ giới - Không sử dụng các phương tiện vận tải quá cũ - Không vận chuyển quá tải trọng tránh gây rơi vãi.	x	

			- Bố trí thời gian vận chuyển cho phù hợp, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm, tránh hoạt động cùng lúc nhiều loại xe vận chuyển - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân		
Nước thải sinh hoạt	x		Nước thải sinh hoạt của công nhân viên trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý qua bể tự hoại hiện hữu tại dự án trước khi thải vào hệ thống thoát nước tại khu vực	x	
			Thu gom, thuê đơn vị có chức năng để xử lý		x
			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực		x
			Biện pháp khác	x	
Nước thải xây dựng	x		Thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường - Tại khu vực dự án sẽ đào các khe rãnh chạy dọc xung quanh dự án để thu gom nước mưa chảy tràn - Nước thải sẽ được thu gom vào hồ lắng trước khi thải ra công chung. Hồ lắng được xây dựng bằng gạch, dùng để lắng sơ bộ các hạt có đường kính lớn. Sau khi lắng, nước được thải ra công chung, phần bùn được nạo vét định kỳ 1 lần/tuần. Nước sau lắng thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực	x	
			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực	x	
			Biện pháp khác	x	
Chất thải rắn xây dựng	x		Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng	x	
			Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương	x	
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		x
			Biện pháp khác	x	
Chất thải rắn sinh hoạt	x		Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý trong ngày. - Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là hộp đựng cơm, thực phẩm thừa, bọc nilon, giấy, lon, chai... sẽ được thu gom, chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy, được bố trí trong khu vực tầng hầm,... phân loại và đăng ký với đơn vị có chức năng thu gom xử lý hàng ngày. Ước tính trung bình mỗi ngày 1 người sẽ thải ra khoảng 0,3 – 0,5kg rác thải sinh hoạt.		
			Biện pháp khác		
		x	Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		

Chất thải nguy hại			Biện pháp khác: Chất thải được thu gom, bảo quản có che đậy và có dán hình cảnh báo lưu trữ chất thải nguy hại		
Tiếng ồn	x		Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	x	
			Bố trí thời gian thi công phù hợp	x	
			Sử dụng các thiết bị máy móc tiên tiến, ít gây ồn	x	
Rung	x		Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	x	
			Bố trí thời gian thi công phù hợp	x	
			Biện pháp khác	x	
Nước mưa chảy tràn	x		Có hệ thống rãnh thu nước, hồ ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường	x	
			Biện pháp khác	x	

5.2.2. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động.

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Bụi và khí thải			Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải với ống khói		
		x	Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống		
			Biện pháp khác		
Nước thải sinh hoạt			Thu gom và tái sử dụng		
		x	Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung		
			Biện pháp khác		
Nước thải sản xuất			Thu gom và tái sử dụng		
		x	Xử lý nước thải cục bộ và thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung		
			Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận và quy chuẩn đạt được sau xử lý)		
			Biện pháp khác		
Nước thải từ hệ thống làm mát Chất thải rắn		x	Thu gom và tái sử dụng		
			Giải nhiệt và thải ra môi trường		
			Biện pháp khác		
		x	Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
		Tự xử lý			

		Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
		Biện pháp khác		
Chất thải nguy hại	x	Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
		Biện pháp khác		
Mùi	x	Lắp đặt quạt thông gió		
		Biện pháp khác		
Tiếng ồn	x	Định kỳ bảo dưỡng thiết bị	x	
		Cách âm để giảm tiếng ồn		x
		Biện pháp khác		x
Nhiệt dư	x	Lắp đặt quạt thông gió		
		Biện pháp khác		
Nước mưa chảy tràn	x	Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		x
		Biện pháp khác		

5.3. Hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội.

Xử lý cấp bách nhằm sửa chữa, khôi phục, củng cố tạo tuyến đê khép kín để chống lũ, bảo vệ trực tiếp người dân cho các xã: Sơn Châu, Thạch Đình và vùng phụ cận với tổng số dân khoảng hơn 3.700 người; 600 ha đất nông nghiệp, đất rừng, khu chăn nuôi và cơ sở hạ tầng trong vùng. Tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường Tỉnh lộ 8B phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra và dân sinh kinh tế trong vùng. Chính vì vậy, khi công trình được hoàn thiện đưa vào vận hành, khai thác sẽ mang lại hiệu quả về kinh tế - xã hội cho vùng dự án.

6. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự án đầu tư xây dựng, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.
- Cử cán bộ giám sát việc thực hiện dự án có kinh nghiệm, năng lực theo quy định hiện hành của Luật xây dựng và các quy định liên quan khác.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Khôi phục, củng cố tuyến đê nhằm khép kín, hoàn thiện hệ thống đê Tân Long để chống lũ, bảo vệ trực tiếp tính mạng và tài sản của người dân xã Sơn Châu và vùng phụ cận trong mùa mưa, lũ là hết sức cấp bách và cần thiết. Phù hợp với Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển KTXH

huyện Hương Sơn cùng Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới cũng như nguyện vọng tha thiết và chính đáng của Nhân dân trong vùng.

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ngành liên quan xem xét, thẩm định, phê duyệt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Thọ

Số: 25/BC-UBND

Hương Sơn, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định nội bộ về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn
Dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn**

Căn cứ hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn và nguồn vốn hỗ trợ dự án tại Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 9849/BKHĐT-TH ngày 31/12/2019, UBND huyện Hương Sơn đã tổ chức thẩm định nội bộ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án và báo cáo kết quả thẩm định như sau

Phần thứ nhất: Tài liệu thẩm định và tổ chức thẩm định

I. Hồ sơ tài liệu thẩm định:

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;
- Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách

II. Căn cứ pháp lý để thẩm định

- Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách

III. Tổ chức thẩm định

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn

2. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp

Phần thứ hai: Ý kiến thẩm định nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình xử lý sạt lở bờ sông Ngàn Phố, huyện Hương Sơn

I. Thông tin chung dự án

1. Tên dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn

2. Dự án nhóm: C

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh

4. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Hương Sơn

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn.

6. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B (HL01) phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

7. Quy mô và các thông số kỹ thuật dự kiến:

7.1. Quy mô đầu tư dự kiến: Tổng chiều dài tuyến đê củng cố, nâng cấp 3,0km; nâng cấp 3 công tiêu cũ dưới đê đã hư hỏng xuống cấp, xây dựng mới 1 công tiêu dưới đê; tiếp nối tuyến đê với các công trình hiện trạng.

7.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

- Tuyến đê:

+ Chiều dài tuyến 3,0km, từ Thôn Đình đến huyện lộ 8B (HL01) thuộc thôn Đoài, xã Sơn Châu; cao trình mặt đê khoảng (+9,20)m; đắp áp trúc hoàn thiện thân đê bằng đất đồng chất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$.

+ Mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B=5,0m$ (một số đoạn mở rộng cho phù hợp với điều kiện thực tế), kết cấu mặt đê bằng bê tông M300, phía dưới lót cát vàng, tiếp đến lớp cấp phối đá dăm và dưới cùng là lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$. Phía đồng có khóa mái và gờ chắn bánh bằng bê tông M250.

+ Mái đê phía sông $m = 2,0 \div 3,0$; các đoạn xung yếu (dài khoảng 2.500m) mái đê được gia cố bằng đá lát khan dày 30cm trong khung BTCT M250 đá dăm (1×2)cm loại 1, phía dưới lót đá dăm (2×4)cm dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân đê phía sông: Cao độ theo địa hình hiện trạng; khóa mái chân đê bằng đầm BTCT M250 kích thước (0,3×0,5)m; hộ chân đê bằng đá hộc ghép khan dày 0,5m, rộng 1,5m, phía dưới là lớp đá dăm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Mái đê phía dân cư có hệ số mái khoảng $m=2,5$, được trồng cỏ bảo vệ.

- Công trình trên tuyến:

Khôi phục 03 cống cũ; xây dựng 01 cống mới bằng BTCT M250, cửa van điều tiết bằng COMPOZIT; trên tuyến những khu vực qua khu dân cư cứ 200m bố trí 1 bên dân sinh bằng bê tông M250; một số vị trí giao nhau với đường giao thông được xử lý bằng vuốt dốc và cứng hóa mặt dốc bằng bê tông M300, dày 20cm.

8. Tổng mức đầu tư dự kiến: 45.997.860.000 đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ bố trí 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng

10. Khả năng cân đối vốn và dự kiến kế hoạch bố trí vốn

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

11. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2020 - 2021.

12. Tiến độ thực hiện:

- Quý I/2020-Quý II/2020: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư.

+ Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

- Quý II/2020-Quý II/2021: Thực hiện đầu tư

+ Lập thiết kế bản vẽ thi công và thẩm định, phê duyệt.

+ Khởi công, xây dựng công trình.

- Quý III/2021: Hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Về tổng mức đầu tư: Trên cơ sở quy mô đầu tư dự kiến và qua khảo sát suất đầu tư một số công trình tương tự trên địa bàn cho thấy mức đầu tư công trình như dự kiến là phù hợp với quy mô xây dựng công trình.

Về khả năng cân đối vốn của dự án: Dự án đã được bố trí 20.000 triệu đồng từ nguồn ngân sách trung ương (bố trí tại Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ), ngân sách tỉnh đề nghị hỗ trợ 16.000 triệu đồng. Đối với nguồn ngân sách huyện cần được bố trí 9.997,860 triệu đồng được phân kỳ trong 2 năm, năm 2020 bố trí 2.000 triệu đồng, năm 2021 bố trí 7.997,860 triệu đồng.

Do Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện đã thông qua về kế hoạch vốn cho đầu tư phát triển năm 2020, nên nguồn vốn đề nghị bố trí trong năm 2020 chỉ ở mức 2.000 triệu đồng đề xuất trích từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2020; phần vốn còn lại đề nghị bố trí nguồn ngân sách huyện trong năm 2021.

Trên đây là ý kiến thẩm định nội bộ nguồn vốn và khả năng cân đối của dự án của UBND huyện Hương Sơn, kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan xem xét thẩm định tổng thể nguồn vốn dự án./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Phòng TC-KH
- Lưu: VT; Ban QLDA.



Nguyễn Quang Thọ

Số: 26/BC-UBND

Hương Sơn, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn

Trên cơ sở thực trạng công trình và hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn. UBND huyện Hương Sơn báo cáo thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư dự án với các nội dung sau:

Phần thứ nhất: Tài liệu thẩm định và tổ chức thẩm định

I. Hồ Sơ tài liệu thẩm định

Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019 cho một số Bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách;

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn.

Các tài liệu khác có liên quan.

II. Căn cứ pháp lý để thẩm định

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

III. Tổ chức thẩm định

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì cùng các phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng TN&MT, Ban QL các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện.

2. Thành phần tham gia: Ban QL các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện.

3. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp.

Phần thứ 2: Ý kiến thẩm định dự án

I. Mô tả thông tin chung của dự án và đề xuất của cơ quan thẩm định:

1. Tên dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn

2. Dự án nhóm: C

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh

4. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Hương Sơn

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn.

6. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B (HL01) phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

7. Dự kiến quy mô đầu tư và các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

7.1. Tổng chiều dài tuyến đê củng cố, nâng cấp 3,0km; nâng cấp 3 công tiêu cũ dưới đê đã hư hỏng xuống cấp, xây dựng mới 1 công tiêu dưới đê; tiếp nối tuyến đê với các công trình hiện trạng.

7.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

- Tuyến đê:

+ Chiều dài tuyến 3,0km, từ Thôn Đình đến huyện lộ 8B (HL01) thuộc thôn Đoài, xã Sơn Châu; cao trình mặt đê khoảng (+9,20)m; đắp áp trực hoàn thiện thân đê bằng đất đồng chất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$.

+ Mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B=5,0m$ (một số đoạn mở rộng cho phù hợp với điều kiện thực tế), kết cấu mặt đê bằng bê tông M300, phía dưới lót cát vàng, tiếp đến lớp cấp phối đá dăm và dưới cùng là lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$. Phía đồng có khóa mái và gờ chắn bánh bằng bê tông M250.

+ Mái đê phía sông $m = 2,0 \div 3,0$; các đoạn xung yếu (dài khoảng 2.500m) mái đê được gia cố bằng đá lát khan dày 30cm trong khung BTCT M250 đá dăm $(1 \times 2)cm$ loại 1, phía dưới lót đá dăm $(2 \times 4)cm$ dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân đê phía sông: Cao độ theo địa hình hiện trạng; khóa mái chân đê bằng dầm BTCT M250 kích thước $(0,3 \times 0,5)m$; hộ chân đê bằng đá hộc ghép khan dày 0,5m, rộng 1,5m, phía dưới là lớp đá dăm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Mái đê phía dân cư có hệ số mái khoảng $m=2,5$, được trồng cỏ bảo vệ.

- Công trình trên tuyến:

Khôi phục 03 cống cũ; xây dựng 01 cống mới bằng BTCT M250, cửa van điều tiết bằng COMPOZIT; trên tuyến những khu vực qua khu dân cư cứ 200m bố trí 1 bên dân sinh bằng bê tông M250; một số vị trí giao nhau với đường giao thông được xử lý bằng vút dốc và cứng hóa mặt dốc bằng bê tông M300, dày 20cm.

8. Tổng mức đầu tư dự kiến: 45.997.860.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng

10. Thời gian và tiến độ thực hiện dự án

10.1. Thời gian thực hiện năm 2020-2021: Thời gian thực hiện nằm trong hạn mức nhóm dự án.

10.2. Tiến độ thực hiện:

- Quý I/2020-Quý II/2020: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư.

+ Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

- Quý II/2020-Quý II/2021: Thực hiện đầu tư

+ Lập thiết kế bản vẽ thi công, trình thẩm định, phê duyệt.

+ Khởi công, xây dựng công trình.

- Quý III/2021: Hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

11. Khả năng cân đối vốn và dự kiến kế hoạch bố trí vốn

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

II. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các đơn vị phối hợp: Không

III. Ý kiến thẩm định:

1. Sự cần thiết đầu tư dự án:

Hương Sơn là huyện biên giới miền núi phía Tây Bắc tỉnh Hà Tĩnh. Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía Nam giáp huyện Vũ Quang, phía Tây giáp Lào và phía Đông giáp huyện Đức Thọ. Địa hình khu vực chủ yếu là đồi núi xen đồng bằng thung lũng sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu và các phụ lưu sông nhỏ, dốc từ Tây - Bắc xuống Đông - Nam. Do nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa và chịu ảnh

hưởng của khí hậu chuyển tiếp của miền Bắc và miền Nam, hàng năm có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa có nhiều bão lụt, kéo dài từ tháng 8 đến tháng 11, lượng mưa trung bình cao (trên 2.000 mm), chiếm 2/3 lượng mưa cả năm; Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 7 năm sau. Đây là mùa nắng gắt, có hoạt động mạnh của gió Tây nam (thổi từ Lào) khô, nóng, lượng bốc hơi lớn, gây hạn hán nghiêm trọng. Với điều kiện thời tiết, khí hậu rất khắc nghiệt, là “rón lữ” vào mùa mưa, “chảo lửa” vào mùa hè; thu nhập của người dân lại chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp nên cuộc sống của người dân nơi đây gặp rất nhiều khó khăn.

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, mưa lũ bất thường, đặc biệt sau mùa bão lũ năm 2019, tuyến đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng; uy hiếp an toàn tuyến đê, tính mạng, tài sản của người dân cũng như các công trình hạ tầng vùng sau đê. Vì vậy, việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp công trình nhằm khép kín, hoàn thiện hệ thống đê Tân Long, phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão; bảo vệ an toàn về người và tài sản cho nhân dân; cải thiện môi trường sinh thái cho khu vực cũng như tăng cường khả năng ứng phó hiệu quả đối với các vấn đề thiên tai trong tương lai, tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án là hết sức cần thiết và cấp bách.

Về mặt Quy hoạch: Phù hợp với Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đê tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030 cũng như định hướng Quy hoạch phát triển KTXH huyện Hương Sơn cùng Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định: Đảm bảo các quy định hiện hành.

3. Mục tiêu đầu tư:

Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dự án đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

4. Về Quy mô đầu tư: Quy mô công trình xây dựng phù hợp với mục đích yêu cầu của dự án, vừa kiên cố hóa khép kín tuyến đê, xử lý kịp thời các hư hỏng, xuống cấp của công trình để bảo vệ tốt công trình đã được xây dựng, vừa cải thiện điều kiện lưu thông khó khăn dọc bờ sông trong ứng cứu lũ cũng như trong sinh hoạt dân sinh hàng ngày.

5. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 45.997.860.000 đồng

Về tổng mức đầu tư: Trên cơ sở quy mô đầu tư dự kiến và qua khảo sát suất đầu tư một số công trình tương tự trên địa bàn cho thấy mức đầu tư công trình như dự kiến là phù hợp với quy mô xây dựng công trình.

Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ bố trí 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997.860 triệu đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Đề nghị UBND tỉnh thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với nguồn ngân sách tỉnh. Đối với nguồn đối ứng ngân sách huyện và chủ đầu tư huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng được phân kỳ kế hoạch trong 2 năm, năm 2020 bố trí 2.000 triệu đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của địa phương, năm 2021 bố trí 7.997,860 triệu đồng từ nguồn ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác của chủ đầu tư.

7. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

8. Thời gian thực hiện năm 2020-2021: Thời gian thực hiện nằm trong hạn mức nhóm dự án.

9. Tiến độ thực hiện:

- Quý I/2020-Quý II/2020: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- + Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư.
- + Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.
- Quý II/2020-Quý II/2021: Thực hiện đầu tư
- + Lập thiết kế bản vẽ thi công, trình thẩm định, phê duyệt.
- + Khởi công, xây dựng công trình.
- Quý III/2021: Hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

IV. Kết luận: Dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn đủ điều kiện đề trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Chủ trương đầu tư để triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn. Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ngành liên quan xem xét, thẩm định, phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu VT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Thọ

TỜ TRÌNH

**V/v cam kết kế hoạch vốn đối ứng để thực hiện đầu tư dự án
Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng Nhân dân huyện Hương Sơn

UBND huyện Hương Sơn đã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn để đề nghị thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình với nội dung:

1. Tên dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn

2. Dự án nhóm: C

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh

4. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Hương Sơn

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn.

6. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B (HL01) phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

7. Quy mô và các thông số kỹ thuật dự kiến:

7.1. Quy mô đầu tư dự kiến: Tổng chiều dài tuyến đê củng cố, nâng cấp 3,0km; nâng cấp 3 công tiêu cũ dưới đê đã hư hỏng xuống cấp, xây dựng mới 1 công tiêu dưới đê; tiếp nối tuyến đê với các công trình hiện trạng.

7.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

- Tuyến đê:

+ Chiều dài tuyến 3,0km, từ Thôn Đình đến huyện lộ 8B (HL01) thuộc thôn Đoài, xã Sơn Châu; cao trình mặt đê khoảng (+9,20)m; đắp áp trúc hoàn thiện thân đê bằng đất đồng chất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$.

+ Mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B=5,0m$ (một số đoạn mở rộng cho phù hợp với điều kiện thực tế), kết cấu mặt đê bằng bê tông M300, phía dưới lót cát vàng, tiếp đến lớp cấp phối đá dăm và dưới cùng là lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$. Phía đồng có khóa mái và gờ chắn bánh bằng bê tông M250.

+ Mái dề phía sông $m = 2,0 \div 3,0$; các đoạn xung yếu (dài khoảng 2.500m) mái dề được gia cố bằng đá lát khan dày 30cm trong khung BTCT M250 đá dăm (1×2)cm loại 1, phía dưới lót đá dăm (2×4)cm dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân dề phía sông: Cao độ theo địa hình hiện trạng; khóa mái chân dề bằng dầm BTCT M250 kích thước (0,3×0,5)m; hộ chân dề bằng đá học ghép khan dày 0,5m, rộng 1,5m, phía dưới là lớp đá dăm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Mái dề phía dân cư có hệ số mái khoảng $m=2,5$, được trồng cỏ bảo vệ.

- Công trình trên tuyến:

Khôi phục 03 cống cũ; xây dựng 01 cống mới bằng BTCT M250, cửa van điều tiết bằng COMPOZIT; trên tuyến những khu vực qua khu dân cư cứ 200m bố trí 1 bên dân sinh bằng bê tông M250; một số vị trí giao nhau với đường giao thông được xử lý bằng vuốt dốc và cứng hóa mặt dốc bằng bê tông M300, dày 20cm.

8. Tổng mức đầu tư dự kiến: 45.997.860.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng

10. Khả năng cân đối vốn và dự kiến kế hoạch bố trí vốn

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

11. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2020 - 2021.

12. Tiến độ thực hiện:

- Quý I/2020-Quý II/2020: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư.

+ Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

- Quý II/2020-Quý II/2021: Thực hiện đầu tư

+ Lập thiết kế bản vẽ thi công và thẩm định, phê duyệt.

+ Khởi công xây dựng công trình.

- Quý III/2021: Hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Về nội dung nguồn vốn dự án: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 20 tỷ đồng từ nguồn dự phòng năm 2019 (đã bố trí tại Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại

Văn bản số 9849/BKHĐT-TH ngày 31/12/2019), ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách huyện và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện dự án theo kế hoạch đề xuất, UBND huyện Hương Sơn đã tổ chức thẩm định nội bộ và kính đề nghị Thường trực Hội đồng Nhân dân huyện xem xét bố trí kế hoạch vốn năm 2020 và năm 2021 cho dự án 9.997,860 triệu đồng, trong đó năm 2020 bố trí 2.000 triệu đồng, năm 2021 bố trí 7.997,860 triệu đồng.

Kính mong nhận được sự quan tâm xem xét giải quyết của Thường trực Hội đồng Nhân dân huyện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BQLDA.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Thọ

Nguyễn Quang Thọ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 191/HĐND

Hương Sơn, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Về việc đầu tư dự án Xử lý cấp bách
đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00,
huyện Hương Sơn

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Thường trực Hội đồng Nhân dân huyện Hương Sơn nhận được Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 21/02/2020 của UBND huyện Hương Sơn về việc cam kết kế hoạch vốn đối ứng để thực hiện đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn, sau khi xem xét và xin ý kiến của Thường trực Huyện ủy Hương Sơn, Thường trực HĐND huyện Hương Sơn thống nhất cam kết ưu tiên bố trí nguồn ngân sách huyện đối ứng để đầu tư xây dựng công trình với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn

2. Dự án nhóm: C

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh

4. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Hương Sơn

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn.

6. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B (HL01) phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

7. Quy mô và các thông số kỹ thuật dự kiến:

7.1. Quy mô đầu tư dự kiến: Tổng chiều dài tuyến đê củng cố, nâng cấp 3,0km; nâng cấp 02 công tiêu cũ dưới đê đã hư hỏng xuống cấp, xây dựng mới 02 công tiêu dưới đê; tiếp nối tuyến đê với các công trình hiện trạng.

7.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

- Tuyến đê:

+ Chiều dài tuyến 3km, từ Thôn Đình đến đường Tỉnh lộ 8B (Thôn Nam Đoài), xã Sơn Châu; cao trình mặt đê khoảng (+9,20)m; đắp áp trúc hoàn thiện thân đê bằng đất đồng chất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$.

+ Mặt đê: Chiều rộng mặt đê B=5,0m (một số đoạn mở rộng cho phù hợp với điều kiện thực tế), kết cấu mặt đê bằng bê tông M300, phía dưới lót cát vàng, tiếp đến lớp cấp phối đá dăm và dưới cùng là lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$. Phía đồng có khóa mái và gờ chắn bánh bằng bê tông M250.

+ Mái đê phía sông $m = 2,0 \div 3,0$; các đoạn xung yếu (dài khoảng 2.500m) mái đê được gia cố bằng đá lát khan dày 30cm trong khung BTCT M250 đá dăm (1×2) cm loại 1, phía dưới lót đá dăm (2×4) cm dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân đê phía sông: Cao độ theo địa hình hiện trạng; khóa mái chân đê bằng đầm BTCT M250 kích thước $(0,3 \times 0,5)$ m; hộ chân đê bằng đá hộc ghép khan dày 0,5m, rộng 1,5m, phía dưới là lớp đá dăm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Mái đê phía dân cư có hệ số mái khoảng $m=2,5$, được trồng cỏ bảo vệ.

- Công trình trên tuyến:

Khôi phục 03 công cũ; xây dựng 01 công mới bằng BTCT M250, cửa van điều tiết bằng COMPOZIT; trên tuyến những khu vực qua khu dân cư cứ 200m bố trí 1 bển dân sinh bằng bê tông M250; một số vị trí giao nhau với đường giao thông được xử lý bằng vuốt dốc và cứng hóa mặt dốc bằng bê tông M300, dày 20cm.

8. Tổng mức đầu tư dự kiến: 45.997.860.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng

10. Khả năng cân đối vốn và dự kiến kế hoạch bố trí vốn

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

11. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2020 - 2021.

12. Tiến độ thực hiện:

- Quý I/2020-Quý II/2020: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ Lập, phê duyệt chủ trương đầu tư.

+ Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

- Quý II/2020-Quý II/2021: Thực hiện đầu tư

+ Lập thiết kế bản vẽ thi công, trình thẩm định, phê duyệt.

+ Khởi công, xây dựng công trình.

Về nguồn vốn, Thường trực HĐND huyện Hương Sơn cam kết ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn huy động hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng trong năm 2020 và năm 2021 (năm 2020 bố trí 2.000 triệu đồng, năm 2021 bố trí 7.997,860 triệu đồng) để tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành dự án theo kế hoạch.

Kính đề nghị Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ngành liên quan xem xét thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình để dự án sớm được triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Trinh

Số: 26/TTr-UBND

Hương Sơn, ngày 24 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư
Dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách; Văn bản số 9849/BKHĐT-TH ngày 31/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách.

Căn cứ nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn; kết quả thẩm định nội bộ về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án, UBND huyện Hương Sơn Kính đề nghị Sở Kế hoạch và đầu tư cùng các Sở, ngành liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Xử lý cấp bách đê Tân Long đoạn từ K0 - K3+00, huyện Hương Sơn
2. Dự án nhóm: C
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Hà Tĩnh
4. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Hương Sơn
5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Châu, huyện Hương Sơn.
6. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn công trình; tạo hành lang giao thông nối liền với tuyến đường huyện lộ 8B (HL01) phục vụ cho công tác quản lý, ứng cứu đê khi bão lũ xảy ra nhằm ứng phó thiên tai, bão lũ và chống biến đổi khí hậu hàng năm, bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đồng thời phục vụ dân sinh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội cho vùng đầu tư xây dựng dự án.

7. Quy mô và các thông số kỹ thuật dự kiến:

7.1. Quy mô đầu tư dự kiến: Tổng chiều dài tuyến đê củng cố, nâng cấp 3,0km; nâng cấp 3 cống tiêu cũ dưới đê đã hư hỏng xuống cấp, xây dựng mới 1 cống tiêu dưới đê; tiếp nối tuyến đê với các công trình hiện trạng.

7.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

- Tuyến đê:

+ Chiều dài tuyến 3,0km, từ Thôn Đình đến huyện lộ 8B (HL01) thuộc thôn Đoài, xã Sơn Châu; cao trình mặt đê khoảng (+9,20)m; đắp áp trúc hoàn thiện thân đê bằng đất đồng chất độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$.

+ Mặt đê: Chiều rộng mặt đê $B=5,0m$ (một số đoạn mở rộng cho phù hợp với điều kiện thực tế), kết cấu mặt đê bằng bê tông M300, tiếp đến lớp cấp phối đá dăm và dưới cùng là lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$. Phía đồng có khóa mái và gờ chắn bánh bằng bê tông M250.

+ Mái đê phía sông $m = 2,0 \div 3,0$; các đoạn xung yếu (dài khoảng 2.500m) mái đê được gia cố bằng đá lát khan dày 30cm trong khung BTCT M250 đá dăm (1×2)cm loại 1, phía dưới lót đá dăm (2×4)cm dày 10cm và dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân đê phía sông: Cao độ theo địa hình hiện trạng; khóa mái chân đê bằng dầm BTCT M250 kích thước (0,3×0,5)m; hộ chân đê bằng đá học ghép khan dày 0,5m, rộng 1,5m, phía dưới là lớp đá dăm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Mái đê phía dân cư có hệ số mái khoảng $m=2,5$, được trồng cỏ bảo vệ.

- Công trình trên tuyến:

Khôi phục 03 cống cũ; xây dựng 01 cống mới bằng BTCT M250, cửa van điều tiết bằng COMPOZIT; trên tuyến những khu vực qua khu dân cư cứ 200m bố trí 1 bển dân sinh bằng bê tông M250; một số vị trí giao nhau với đường giao thông được xử lý bằng vút dốc và cứng hóa mặt dốc bằng bê tông M300, dày 20cm.

8. Tổng mức đầu tư dự kiến: 45.997.860.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 theo Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ 20.000 triệu đồng, xin hỗ trợ ngân sách tỉnh 16.000 triệu đồng, Chủ đầu tư bố trí từ ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác 9.997,860 triệu đồng

10. Khả năng cân đối vốn và dự kiến kế hoạch bố trí vốn

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng vốn	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và nguồn hợp pháp khác
2020	22.000	20.000		2.000
2021	23.997,860		16.000	7.997,860
Cộng	45.997,860	20.000	16.000	9.997,860

11. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Nguồn ngân sách tỉnh đề nghị bố trí 16.000 triệu đồng. Nguồn vốn còn lại (29.997,860 triệu đồng) gồm nguồn ngân sách Trung ương 20.000 triệu đồng (đã được bố trí tại Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Văn bản số 9849/BKHĐT-TH ngày 31/12/2019), nguồn ngân sách huyện 9.997,860 triệu đồng đã được UBND huyện thẩm định nội bộ, Thường trực hội đồng nhân dân huyện cam kết bố trí.

12. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:
Ngành thủy lợi, lĩnh vực đầu tư xây dựng

13. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2021

UBND huyện Hương Sơn trình Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án để dự án sớm được triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c)
- Lưu: VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Thọ